

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 218/2020/HSST  
Ngày 10/8/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Loan.

Ông Nguyễn Hồng Vân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Minh Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Hà Trọng Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/HSST/TLST - HS ngày 23/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HS ngày 03/02/2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa, đối với bị cáo :

**Đỗ Xuân H:** sinh 1983; nơi cư trú: SN 591 phố C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch : Việt Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đỗ Xuân N và bà Ngô Thị L; vợ : Đào Ngọc H, có 02 con (con lớn sinh 2007, con nhỏ sinh 2011); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/10/2019 đến ngày 11/10/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Nguyễn Thị M, sinh 1970.

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2/ Bùi Văn Đ, sinh 1991.

Địa chỉ: Thôn K, xã Kiên T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

3/ Phạm Xuân N, sinh 1997.

Địa chỉ: Làng N, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

4/ Nguyễn Thị L, sinh 1992.

Địa chỉ: Xóm 1, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

5/ Nguyễn Văn T, sinh 1978.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

6/ Nguyễn Khoa B, sinh 1982.

Địa chỉ: phố S, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

7/ Bùi Văn H, sinh 2001.

Địa chỉ: Làng M, xã C huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

8/ Phạm Văn Đ, sinh 1984.

Địa chỉ: Làng M, xã Đồng T, huyện Ngọc L, tỉnh Thanh Hóa.

9/ Phạm Thị N, sinh 1975.

Địa chỉ: Làng T, xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

10/ Phạm Thị Q, sinh 1986.

Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

11/ Nguyễn Phúc N, sinh 1993.

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

12/ Lê Văn C, sinh 1983.

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

13/ Hà Văn H, sinh 1995.

Địa chỉ: Thôn Ấ, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

14/ Phạm Thị H, sinh 1987.

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

15/ Hồ Văn T, sinh 1989.

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

16/ Phạm Thị V, sinh 1957.

Địa chỉ: Thôn T , xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

17/ Đào Vương A, sinh 1989.

Địa chỉ: Phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

18/ Phạm Đình D, sinh 1991.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

19/ Hoàng Công P, sinh 1978.

Địa chỉ: SN 644 phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

20/ Trần Quốc S, sinh 1978.

Địa chỉ: phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

21/ Bùi Trọng H, sinh 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

22/ Phạm Thị L, sinh 1968.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

23/ Phạm Thế H, sinh 1993.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

24/ Nguyễn Thị An T, sinh 1975.

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

25/ Hoàng Thị H, sinh 1977.

Địa chỉ: xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

26/ Lò Văn L, sinh 1996.

Địa chỉ: Đội 3, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

27/ Trần Văn N, sinh 1986.

Địa chỉ: SN 47 phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

28/ Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh 1991.

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

29/ Phạm Văn T, sinh 1988.

Địa chỉ: Làng B, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

30/ Trịnh Thị H, sinh 1982.

Địa chỉ: SN 19/4 phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

31/ Đào Quang S, sinh 1975.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

32/ Lê Đình Đ, sinh 1992.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

33/ Phạm Thị Ngọc L, sinh 1983.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

34/ Nguyễn Tuấn H, sinh 1985.

Địa chỉ: phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

35/ Lê Thị Thu H, sinh 1992.

Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

36/ Đỗ Thị L, sinh 1984.

Địa chỉ: Phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

37/ Phạm Minh T.

Địa chỉ: Phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

38/ Bùi Khắc N, sinh 1987.

Địa chỉ: thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

39/ Lê Thị G, sinh 1993.

Địa chỉ: Phòng 301-CT1-Chung cư P, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH dịch vụ tài chính Đ (gọi tắt là Công ty Đ) có trụ sở chính (cơ sở 1) tại số 08 phố B, phường B, thành phố T được thành lập ngày 05/5/2016, do Nguyễn Thế H làm Giám đốc, trực tiếp quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty. Từ ngày 30/5/2018, Nguyễn Thế H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T bắt giữ trong vụ án: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” nên Cao Xuân T lên làm Giám đốc thay Nguyễn Thế H và trực tiếp quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty Đ.

Ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty Đ là kinh doanh dịch vụ cầm đồ, mua bán, cho thuê mô tô đã qua sử dụng, tuy nhiên trên thực tế Công ty Đ chủ yếu cho vay tín chấp với lãi suất cao bằng phương thức, thủ đoạn như sau: khi

khách hàng đến Công ty Đ vay tiền thì phải mang xe mô tô, kèm theo đăng ký xe chính chủ, giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân. Để che dấu, trốn tránh Cơ quan pháp luật, sau khi đã thỏa thuận về số tiền vay, mức lãi suất, hình thức vay và trả tiền thì khách hàng vay tiền của Công ty Đ phải làm hợp đồng bán xe cho Công ty, tương đương khoảng 80% giá trị xe, khách hàng phải để lại đăng ký xe chính chủ, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân. Sau đó, Công ty sẽ làm hợp đồng cho khách hàng thuê lại chính chiếc xe đã bán, số tiền thể hiện trên giấy bán xe là số tiền khách hàng vay, phí thuê xe chính là số tiền lãi mà khách hàng phải trả. Mức lãi suất tiền vay mà Công ty Đ áp dụng đối với khách hàng dao động từ khoảng 3.000đ đến 5.000đ/01 triệu/01 ngày; cứ 10 ngày khách hàng phải đến Công ty đóng tiền lãi một lần, nhưng ngay tại thời điểm cho vay khách hàng phải đóng trước 10 ngày tiền lãi. Khi nào khách hàng trả hết tiền gốc và tiền lãi thì Công ty Đ sẽ hủy hợp đồng mua bán xe, hợp đồng thuê xe và trả lại Đăng ký xe cùng giấy tờ tùy thân cho khách hàng.

Qua công tác trinh sát và nắm tình hình, ngày 22/12/2018 Công an thành phố T đã phối hợp với Công an các huyện, thị, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa khám xét hành chính tất cả các cơ sở trực thuộc của Công ty Đ. Tại cơ sở số 9 (có địa chỉ tại số 591 phố C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa) Công an thành phố T đã thu giữ được các đồ vật, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh cho vay lãi, bao gồm:

- 04 (bốn) cuốn sổ có kích thước khác nhau, được đánh số thứ tự từ 01 đến 04.
- 89 (tám mươi chín) túi nilon màu trắng, bên trong chứa các tài liệu, thông tin khách hàng vay tiền tại chi nhánh.
- 45 (bốn mươi lăm) tờ giấy có chữ viết, chữ in trên mỗi tờ.
- 03 (ba) cuốn phiếu thanh toán tiền thuê xe,
- 214 (hai trăm mười bốn) tờ tiền Polyme mệnh giá 500.000đ, 12 (mười hai) tờ tiền mệnh giá 200.000đ, 47 (bốn bảy) tờ tiền mệnh giá 100.000đ.
- 01 (một) cây máy tính màu đen đã qua sử dụng.
- 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 380294.
- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Lead màu đỏ đã qua sử dụng, số khung 451FY106267, số máy JF45E0719809.

Cơ sở số 9 được thành lập vào tháng 8/2017 do Đỗ Xuân H được Nguyễn Thế H thuê làm quản lý, Nguyễn Thị P được thuê làm kế toán. Công việc của Đỗ Xuân H là khi có khách hàng đến vay tiền thì kiểm tra, xác định giá trị xe mô tô của khách hàng, thỏa thuận số tiền vay và mức lãi suất, hướng dẫn khách hàng làm thủ tục, sau đó chuyển hồ sơ lại cho kế toán là Nguyễn Thị P để giao tiền cho khách. Đến kỳ thu

lãi, H gọi điện đôn đốc khách hàng đến cơ sở để đóng tiền lãi. Công việc của Nguyễn Thị P là xuất tiền cho khách hàng vay theo yêu cầu của Đỗ Xuân H, thu tiền lãi, tiền gốc, thanh toán khoản vay cho khách hàng vay tiền, gọi điện thông báo cho khách hàng khi đến kỳ đóng lãi, đồng thời có trách nhiệm ghi chép sổ sách thu chi, lợi nhuận hàng tháng, lưu giữ hồ sơ và thông tin khách hàng vay tiền của Công ty, báo cáo hoạt động kinh doanh về Công ty.

Đỗ Xuân Hải làm việc tại cơ sở số 9 từ tháng 8/2017 đến ngày 22/12/2018, được trả lương 7.000.000đ/01 tháng; Nguyễn Thị Phụng làm việc từ tháng 9/2017 đến ngày 22/12/2018, được trả lương 5.000.000đ/01 tháng. Cả Hải và Phụng đều được thuê làm việc và lấy lương tại cơ sở số 9, không tham gia góp vốn để phục vụ hoạt động của Công ty.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra xác định hoạt động cho vay tiền lấy lãi của Công ty Đ diễn ra từ ngày 05/5/2016 đến khi bị phát hiện là ngày 22/12/2018, với mức lãi xuất cao nhất là 5.000đ/01 triệu/01 ngày. Thời điểm trước ngày 01/01/2018 hành vi cho vay lãi nói trên của Công Đ theo quy định tại Điều 163 Bộ luật hình sự 1999 thì hành vi này không phải chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Công ty Đ chỉ được tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 22/12/2018.

Ngày 26/12/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố T có công văn số 192/CSĐT gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh T để xác định tiền lãi và số tiền thu lợi bất chính trong quá trình hoạt động kinh doanh cho vay tín chấp của Công ty Đ. Ngày 27/12/2018 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh T có công văn số 1293/THH2 xác định như sau:

Lãi xuất cho vay theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được tính như sau:

$$\text{Số tiền lãi trả/số ngày vay} \times 365 \text{ ngày} \times 100$$

$$\text{Lãi suất cho vay} = \frac{\text{Số tiền gốc}}{(\% \text{ năm})}$$

Số tiền lãi được thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 được xác định như sau:

$$\text{Tiền lãi tối đa} = \text{số tiền vay} \times 20\%/\text{năm}/365 \text{ ngày} \times \text{số ngày vay}.$$

Tại cơ sở số 9, Đỗ Xuân H và Nguyễn Thị P cho khách hàng vay lãi với mức lãi suất dao động từ 3.000đ đến 5.000đ/01 triệu/01 ngày (tương đương với khoảng từ 105%/năm đến 150%/năm và cao gấp khoảng từ 5,25 lần đến 7,5 lần so với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015).

Quá trình điều tra, xác định trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 22/12/2018 có 89 hồ sơ vay vốn của các khách hàng tại cơ sở số 9. Cơ quan điều tra đã làm việc với 39 khách hàng, còn lại 50 khách hàng do không có mặt tại địa phương nên không làm việc được. Tổng số tiền cơ sở số 9 đã cho vay đối với 39 khách hàng là 564.500.000đ, tổng số tiền lãi đã thu của 39 khách hàng là 222.670.000đ. Căn cứ công thức tính do Ngân hàng Nhà nước cung cấp, xác định số tiền mà Đỗ Xuân Hải và Nguyễn Thị P cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính tại cơ sở số 9 là 191.481.507đ.

Sau khi phạm tội, Đỗ Xuân H bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T đã ra quyết định truy nã đối với Hải và tách hồ sơ vụ án, khi bắt được sẽ xử lý sau.

Ngày 26/7/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T đã kết thúc điều tra vụ án và đề nghị truy tố các bị can Nguyễn Thế H, Cao Xuân T, Nguyễn Thị P cùng các đối tượng liên quan khác về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự và chuyển các đồ vật, tài liệu có liên quan thu giữ trong quá trình khám xét đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố T chờ xử lý theo quy định pháp luật.

Ngày 22/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã ra quyết định truy tố đối với các bị can Nguyễn Thế H, Cao Xuân T, Nguyễn Thị P cùng các đồng phạm khác về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố T để xét xử theo quy định.

Ngày 08/10/2019, Đỗ Xuân H đến cơ quan điều tra đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình .

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSTPTH ngày 19/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T truy tố bị cáo Đỗ Xuân H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS. Xử phạt: bị cáo Đỗ Xuân H từ 24 đến 27 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án, được trừ 03 ngày tạm giữ.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: đã được giải quyết tại bản án HSST số 161 ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo nhận tội, không có ý kiến tự bào chữa và tranh luận.

Lời nói sau cùng: bị cáo không có ý kiến đề nghị gì.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đó thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: trong khoảng thời gian từ tháng 8/2017 đến ngày 22/12/2018 bị cáo được Nguyễn Thế H - Giám đốc công ty Đ thuê làm quản lý tại cơ sở số 9, được trả lương 7.000.000đ/01 tháng; Nguyễn Thị P được thuê làm kế toán, được trả lương 5.000.000đ/01 tháng. Bị cáo và P đều được thuê làm việc lấy lương, không tham gia góp vốn để phục vụ hoạt động của Công ty.

Công việc của bị cáo là khi có khách hàng đến vay tiền thì kiểm tra, xác định giá trị xe mô tô, thỏa thuận số tiền vay và mức lãi suất, hướng dẫn khách làm thủ tục, sau đó chuyển hồ sơ cho Nguyễn Thị P là kế toán để giao tiền cho khách. Đến kỳ thu lãi, bị cáo gọi điện đôn đốc khách hàng đến đóng tiền.

Công việc của Nguyễn Thị P là xuất tiền cho khách hàng vay theo yêu cầu của bị cáo, thu tiền lãi, tiền gốc, thanh toán khoản vay cho khách hàng vay tiền, gọi điện thông báo cho khách hàng khi đến kỳ đóng lãi, ghi chép sổ sách thu chi, lợi nhuận hàng tháng, lưu giữ hồ sơ và thông tin khách hàng, báo cáo hoạt động kinh doanh của cơ sở số 9 về Công ty.

Mức lãi suất cơ sở số 9 cho khách hàng vay dao động từ 3.000đ đến 5.000đ/01 triệu/01 ngày.

Trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 22/12/2018, tại cơ sở số 9 bị cáo đã cùng các đồng phạm khác thực hiện hành vi cho vay lãi nặng đối với 39 lượt khách hàng trên địa bàn huyện N, tỉnh Thanh Hóa, tổng số tiền thu lời bất chính là 191.481.507đ.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, với lời khai của các đồng phạm khác, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: hành vi cùng các đồng phạm khác thực hiện hành vi cho vay lãi

nặng, thu lời bất chính số tiền 191.481.507đ của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự như nội dung cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa là có cơ sở pháp luật.

[4] Xét tính chất vụ án: hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý tín dụng của Nhà nước, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người đi vay, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo diễn ra tại thời điểm loại tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến tín dụng đen có chiều hướng gia tăng; đặc biệt khi cả nước đang triển khai thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 25/4/2019 của Thủ Tướng Chính phủ về “ Tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến tín dụng đen”. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh.

[5] Về vai trò và trách nhiệm hình sự của bị cáo: Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn nên vụ án này được tách ra xử lý sau. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo là một mắt xích trong chuỗi bằng chuỗi hoạt động của cả nhóm tội phạm. Các bị cáo có sự câu kết chặt chẽ với nhau, trong đó có bị cáo là người thành lập Công ty và trực tiếp làm giám đốc, tuyển dụng người làm việc, thành lập và phân công nhiệm vụ cho từng bị cáo trong các cơ sở. Có bị cáo là người quản lý cơ sở, có bị cáo là người thực thi hoạt động tại các cơ sở của Công ty. Bị cáo hiểu rõ phương thức, thủ đoạn phạm tội cho vay lãi nặng của Công ty Đ và thống nhất thực hiện theo sự phân công, điều hành của Giám đốc Công ty. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo và các đồng phạm khác thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức”.

Nguyễn Thế H là người thành lập Công ty, trực tiếp làm giám đốc thời gian từ 05/5/2016 đến 29/5/2018, là người tuyển dụng bị cáo, thành lập và điều hành các cơ sở nên phải chịu trách nhiệm chính. Sau khi H bị bắt trong vụ án khác, đã bàn giao cho Cao Xuân T làm giám đốc thời gian từ 30/5/2018 đến 22/12/2018, quản lý điều hành các chi nhánh, do đó Thu có vai trò thứ hai sau H. Bị cáo Đỗ Xuân H là người quản lý cơ sở số 9 nên có vai trò thứ ba, sau H và T.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội có tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo

quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo trốn khỏi địa phương, gây khó khăn cho công tác điều tra nên cần cách ly khỏi xã hội để giáo dục cải tạo và răn đe phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: đã được xem xét và giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 161/2020/HSST ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T nên không phải xem xét, giải quyết trong vụ án này

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** khoản 2 điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm a, khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS. Khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

**Tuyên bố:** bị cáo Đỗ Xuân H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

**Xử phạt:** Đỗ Xuân H 24 (hai mươi bốn) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án, được trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 08/10/2019 đến ngày 11/10/2019).

**Về án phí:** Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Chi cục THA TP Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Thu Hà**

